TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3761/2024/KDTM-ST
Ngày: 14/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;

2. Bà Bùi Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên**.**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 91/2024/TLST-KDTMngày 14/3/2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42954/QĐXXST- KDTM ngày 19/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 5446/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH N;

Trụ sở: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Bãi cát đá N - số A, khóm D, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH K;

Trụ sở: 5 đường số H, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 7 K, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/3/2022, Công ty TNHH N (*gọi tắt là công ty N*) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 05/2022/HĐNT-NPTB-KAWAIINL với Công ty TNHH K (*gọi tắt là công ty K*) về việc: mua bán cát, đá xây dựng. Hình thức thanh toán chuyển khoản hoặc tiền mặt. Theo thỏa thuận hàng tháng, chốt công nợ 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 (hoặc ngày 31) chốt khối lượng và thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán.

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày

Thực hiện hợp đồng, Công ty N đã bàn giao hàng hóa cho Công ty K NL đủ số lượng và chất lượng có sự xác nhận của bên mua.

Tổng vật tư hàng hóa phát sinh theo các hóa đơn giá trị gia tăng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06/8/2022 đã được thanh toán đầy đủ. Từ ngày 20/8/2022 đến ngày 31/12/2022 phát sinh thêm nhiều đợt giao hàng nhưng chưa được thanh toán. Ngày 31/12/2022, Công ty K ký xác nhận công nợ số tiền 547.705.000 đồng. Ngày 17/01/2023, Công ty K có thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hàng bị đơn còn thiếu là: 447.705.000 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm. Tiền lãi của số tiền 547.705.000 đồng tính từ ngày 01/01/2023 đến 09/5/2024 là: 60.050.584 đồng; Tiền lãi của số tiền 447.705.000 đồng tính từ ngày 10/5/2024 đến ngày xét xử 14/8/2024 là: 11.897.914 đồng. Tổng cộng: 519.653.498 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập và quyết định xét xử.

Về nội dung có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng, chưa thanh toán đủ tiền hàng hóa nên phải trả số tiền còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động chính trên địa bàn thành phố T, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa các bên có ký các Hợp đồng nguyên tắc số 05/2022/HĐNT-NPTB-KAWAIINL ngày 24/3/2022 về việc cung ứng cát, đá xây dựng với số lượng và chất lượng như thoả thuận, phía công ty K có trách nhiệm thanh toán tiền hàng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán (Hóa đơn và bản đối chiếu công nợ).

Thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã giao đúng và đủ số lượng hàng hóa, xuất các hóa đơn giá trị gia tăng và được bị đơn thừa nhận. Tuy nhiên, công ty K mới chỉ thanh toán được một phần giá trị Hợp đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022, bị đơn xác nhận còn nợ số tiền 547.705.000 đồng, nguyên đơn xác định ngày 17/01/2023 bị đơn có thanh toán thêm được số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 447.705.000 đồng. Như vậy, số nợ còn lại mà bị đơn cần thanh toán cho nguyên đơn là: 447.705.000 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với thỏa thuận tại Điểm 5.1 Điều 5 của Hợp đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn 10%/năm thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi được tính sau 07 ngày kể từ ngày bên bán xuất đủ hồ sơ hóa đơn nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tình lãi của số tiền 547.705.000 đồng tính từ ngày 01/01/2023 đến 09/5/2024 là: 60.050.584 đồng; Tiền lãi của số tiền 447.705.000 đồng tính từ ngày 10/5/2024 đến ngày xét xử 14/8/2024 là: 11.897.914 đồng. Tổng cộng: 519.653.498 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 157, Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 300 và Điều 301 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 418; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" với Công ty TNHH K.

Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền: 519.653.498 (*Năm trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH K phải nộp 24.786.140 đồng.

H lại cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí 10.954.100 đồng theo biên lai thu số 0025490 ngày 11/3/2024 và số tiền 1.789.000 đồng theo biên lai thu số 0026790 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA